

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày 29/12/2023	15,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.2%	0.0%	-5.0%

Hệ số nguy cơ phá sản

Z - score (sản xuất)
2023

0.99

(B2)

Nguy hiểm

Hệ số nguy cơ phá sản

Z'' - score (phi sản xuất)
2023

1.70

(Ba3)

Cảnh báo

2023

DT thuần

519

tỷ VNĐ

YoY

▼ 168

▼ 24.5%

2023

LN sau
thuế

34.8

tỷ VNĐ

YoY

▼ 58.2

▼ 62.6%

2023

ROE

4.5%

+/- YoY

▼ 7.9%

2023

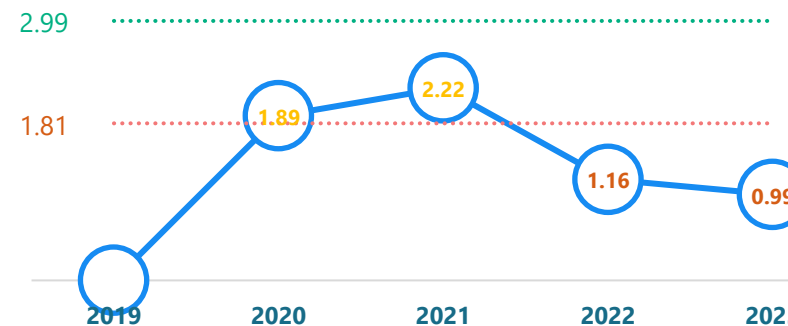
ROA

2.1%

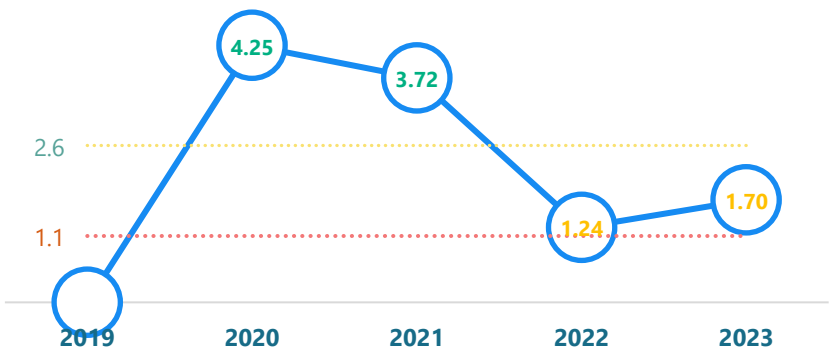
+/- YoY

▼ 4.4%

Z - Score



Z'' - Score



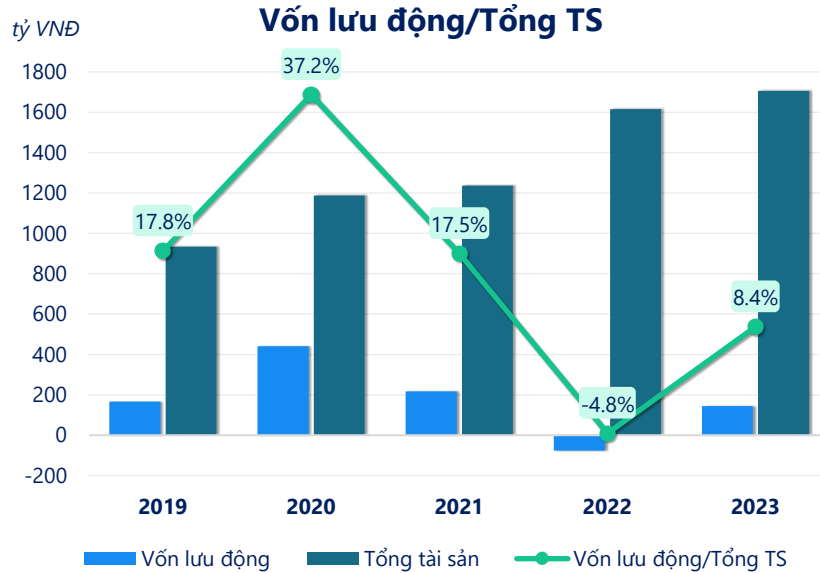
Xét với doanh nghiệp sản xuất: Với **Z-Score là 0.99 < 1.81**, cho thấy **TDF** nằm trong vùng nguy hiểm, có nguy cơ phá sản cao và không ổn định về tình hình tài chính.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: Với **Z''-Score là 1.70** cao hơn 1.1 và thấp hơn 2.6, cho thấy TDF có dấu hiệu của tình trạng tài chính không ổn định, có mức độ rủi ro phá sản tương đối cao.

Năm **2023**, **TDF** ghi nhận doanh thu thuần **518.6** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **34.82** tỷ đồng, lần lượt **giảm 24.5%** và **giảm 62.6%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **4.54%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

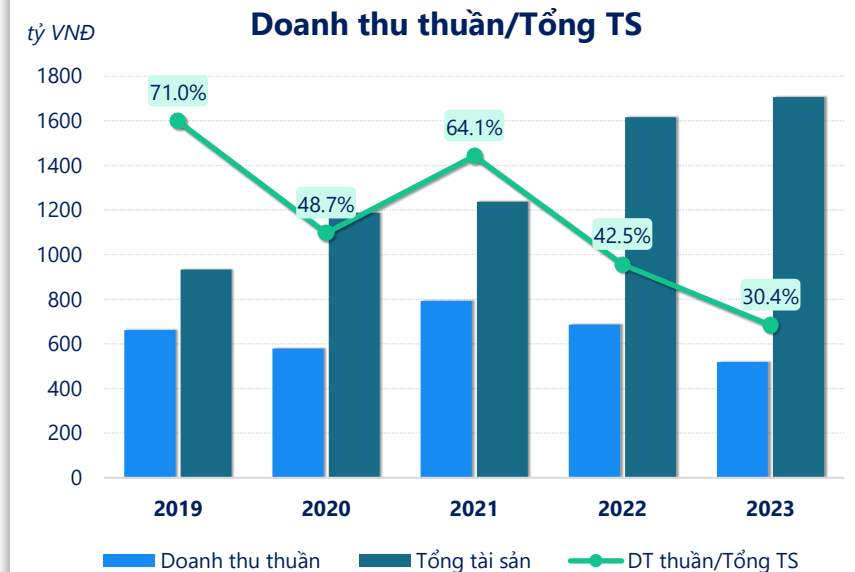
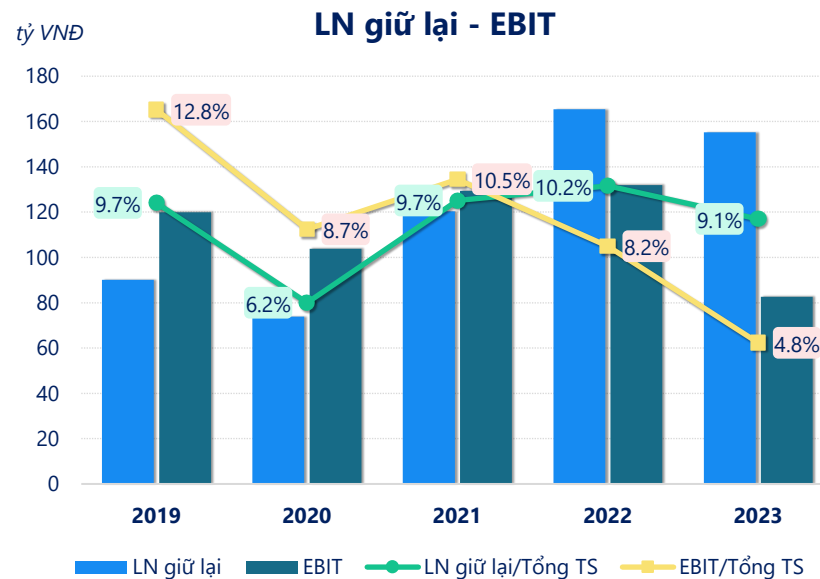
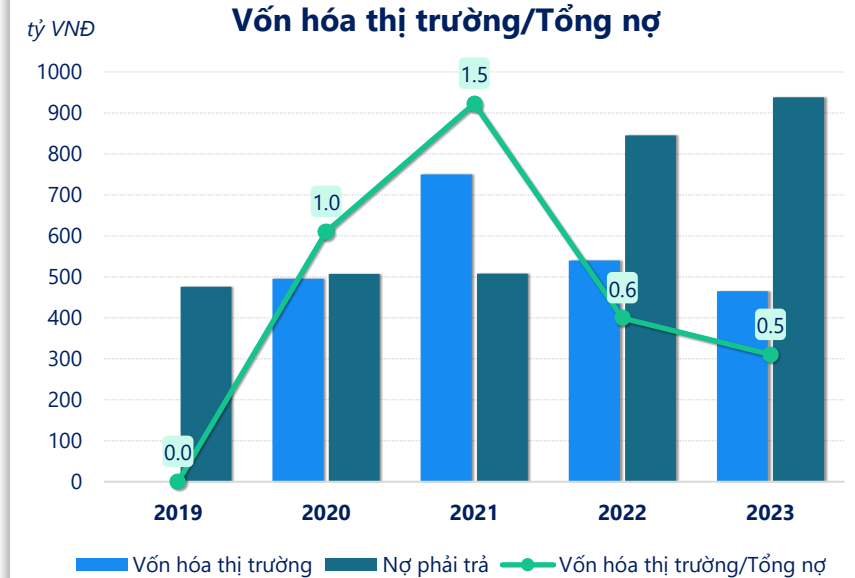
CTCP Trung Đô (UPCOM: TDF)



Vốn lưu động > 0 và **tăng** so với năm trước cho thấy công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn khá tốt. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ dưới 1 có thể cho thấy công ty đang gặp phải một số thách thức trong việc tạo ra giá trị cho cổ đông hoặc chưa thực sự quản lý nợ một cách hiệu quả.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,701	1,616	5.2%
Tài sản ngắn hạn	650	553	17.6%
Tiền và tương đương tiền	13.2	14.1	-6.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.46	33.0	-77.4%
Phải thu ngắn hạn	106	124	-14.4%
Hàng tồn kho	491	348	41.1%
Tài sản ngắn hạn khác	32.6	33.7	-3.3%
Tài sản dài hạn	1,051	1,064	-1.2%
Phải thu dài hạn	0.68	0	
Tài sản cố định	802	196	308%
Bất động sản đầu tư	79.1	82.4	-4.0%
Tài sản dở dang	120	770	-84.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	1.50	-33.3%
Tài sản dài hạn khác	47.5	13.3	257%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	938	845	11.0%
Nợ ngắn hạn	507	629	-19.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	312	267	16.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	81.9	252	-67.5%
Nợ dài hạn	431	216	99.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	376	159	137%
Nguồn vốn chủ sở hữu	763	771	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	758	771	-1.7%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	4.60	-0.18	2706%

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	663	578	793	687	519
Giá vốn hàng bán	494	429	615	491	392
Lợi nhuận gộp	169	150	178	195	126
Doanh thu HĐTC	1.71	6.69	8.91	7.90	1.57
Chi phí TC	4.93	13.2	11.5	15.9	39.2
Chi phí lãi vay	8.93	12.9	11.3	15.7	39.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	29.3	30.1	30.1	38.5	24.0
Chi phí QLDN	25.4	22.3	26.7	32.1	21.9
LN thuần từ HĐKD	111	90.9	118	117	42.9
Lợi nhuận khác	-0.09	-0.03	-0.05	-0.47	0.64
LN trước thuế	111	90.9	118	116	43.5
Lợi nhuận sau thuế	89.8	72.9	94.5	93.0	34.8
LNST của CĐ cty mẹ	89.8	72.9	94.5	93.0	34.8

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.5	104	197	101	33.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-87.9	-229	-163	-281	-280
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	53.8	118	-28.7	184	246
Tiền đầu kỳ	6.05	12.5	4.94	9.96	14.1
Lưu chuyển tiền thuần	6.42	-7.53	5.02	4.11	-0.84
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.5	4.94	9.96	14.1	13.2